



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 821 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai thực hiện Nghị Quyết 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về “công tác dân số trong tình hình mới”;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030” và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. THỰC TRẠNG MỨC SINH Ở ĐỒNG NAI

Dân số Đồng Nai năm 2020 ước khoảng 3.265.000 người. Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi giảm liên tục từ 33,9% năm 1999 xuống 23,6% năm 2019, theo đó mức sinh giảm.

Tuổi kết hôn lần đầu có xu hướng tăng: nam từ 25,7 tuổi năm 2009 lên 26,0 tuổi năm 2019; nữ từ 23,9 tuổi năm 2009 lên 24,1 tuổi năm 2019. Tuy nhiên, số trường hợp ly hôn lại có xu hướng tăng từ 1,5% năm 2009 lên 2,2% năm 2019.

Số con trung bình trên một phụ nữ tiếp tục có xu hướng giảm từ năm 2009 là 2,07 con/phụ nữ xuống còn 1,9 con/phụ nữ vào năm 2019. Mức sinh cao nhất vẫn ở nhóm 25 - 29 tuổi. Đồng Nai là một trong 21 tỉnh thành phố được xếp vào khu vực có mức sinh thấp.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đưa mức sinh tỉnh Đồng Nai về mức cân bằng tự nhiên (2,1 con/mẹ), duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Tăng mức sinh hàng năm 0,02 con/mẹ, đến năm 2025 đạt 2,0 con/mẹ và đạt 2,1 con/mẹ vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

b) Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về cơ chế phối hợp liên ngành, xây dựng chỉ tiêu cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế - mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

c) Phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

d) Huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra; đánh giá tình hình thực hiện, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, đơn vị trong từng thời kỳ.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung tại Kế hoạch số 7875/KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về công tác dân số trong tình hình mới và các kế hoạch, chương trình của tỉnh đã ban hành về công tác dân số nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang duy trì mức sinh thay thế, duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số.

b) Thay đổi thông điệp truyền thông phù hợp, tập trung tuyên truyền vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn muộn; sinh con quá sớm hoặc quá muộn; không sinh dày; mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt. Hệ lụy của sinh một con đối với xã hội và gia đình trong việc chăm sóc cha mẹ khi về già.

c) Đa dạng, phong phú, sinh động các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức hấp dẫn và thuyết phục. Chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí của địa phương để truyền thông. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ. Thực hiện truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ tuyên truyền viên dân số.

d) Lồng ghép giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con, không lựa chọn giới tính khi sinh vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

đ) Triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn, cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

3. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

b) Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con:

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Phát triển các câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi không kết hôn quá sớm hoặc quá muộn, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi... giảm sinh con thứ ba trở lên.

- Chú trọng quy hoạch, xây dựng các điểm trông, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ và các thành viên trong gia đình, nhất là các khu công nghiệp, khu đô thị.

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, phòng chống suy dinh dưỡng.

- Bổ sung tiêu chí cặp vợ chồng sinh đủ hai con trong tiêu chí được ưu tiên mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở; ưu tiên vào các trường công lập.

- Từng bước thí điểm các biện pháp tăng trách nhiệm đóng góp xã hội, cộng đồng đối với những trường hợp cá nhân không muốn kết hôn hoặc kết hôn quá muộn.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đến mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn. Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiếp thị xã hội và xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa chăm sóc sức khỏe sinh sản, cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

b) Thí điểm mô hình phòng tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục can thiệp tại cộng đồng.

c) Xã hội hóa dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, sàng lọc ung thư đường sinh sản đáp ứng nhu cầu khả năng chi trả của người dân.

d) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp ở địa bàn vùng xa, vùng dân tộc thiểu số: Tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến: sinh con dị tật, vô sinh, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

e) Lồng ghép với các hoạt động của Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số ít người giai đoạn 2021 - 2030” được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 499/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp; Thường xuyên cung cấp thông tin cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, huy động sự tham gia trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt. Đưa nội dung về điều chỉnh mức sinh và lợi ích của duy trì mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Đưa chỉ tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tổ chức học tập và chia sẻ kinh nghiệm về quy mô dân số, mức sinh, biện pháp điều chỉnh mức sinh.

d) Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn. Sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong từng thời kỳ, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì triển khai các nội dung của kế hoạch, theo dõi việc triển khai của các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

b) Chủ trì, lựa chọn thông điệp truyền thông phù hợp với từng thời kỳ phát triển của dân số tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan truyền thông đại chúng tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các chủ chương, chính sách về công tác dân số.

c) Chủ trì triển khai, thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng giống nòi cho người dân trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo lồng ghép nội dung giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên; thí điểm các mô hình phòng tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục can thiệp tại cộng đồng.

đ) Kiểm tra, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Sở Y tế lồng ghép nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng chống tảo hôn, giới và bình đẳng giới vào chương trình giáo dục trong nhà trường phổ thông theo định hướng của Chiến lược Dân số Việt Nam và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng ưu tiên, đặc biệt tại các khu công nghiệp để khuyến khích mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con và nuôi dạy con tốt.

4. Sở Xây dựng rà soát, đề xuất sửa đổi, hướng dẫn bổ sung tiêu chí xét duyệt hỗ trợ nhà ở xã hội cho người lao động tại các khu công nghiệp để khuyến khích sinh đủ hai con.

5. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét, cân đối, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Y tế, Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, cơ quan truyền thông đại chúng tổ chức tuyên truyền, vận động nội dung kế hoạch này cho người dân trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch truyền thông lồng ghép thực hiện Kế hoạch số 11908/KH-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về truyền thông dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

7. Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các nghiên cứu khoa học về ảnh hưởng của mức sinh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2030.

b) Rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; có kế hoạch chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các phòng, ban, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch; cân đối, bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện của địa phương.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt nội dung của kế hoạch, đồng thời tham gia giám sát việc thực hiện kế hoạch.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung kế hoạch này, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá, đúc kết kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện; báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được gửi Sở Y tế tổng hợp (trước ngày 01 tháng 12 hằng năm) báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định. / *Như trên*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: tại mục V;
- Chánh VP, các Phó CVP.UBT;
- Lưu: VT, KGVX, THNC, KTNS, Công TTĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thái Bảo
Thái Bảo